

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022-2023
(KẾT THÚC NGÀY 09/01/2023)**

**ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI - Đợt 1 (năm 1,2,3,4,5,6)
PHẦN LÝ THUYẾT**

STT	MÃ HP	Tên học phần	Số TC	Tên lớp	Sĩ số	Ngày thi
1	MEDI 6202	Ung thư	1	MEDI 6202_ĐH17YDK.1_LT	95	28/10/2022
2	MEDI 6203	Kinh tế y tế	2	MEDI 6203_ĐH17YDK.1_LT	95	07/11/2022
3	MEDI 3102	Chẩn đoán hình ảnh	2	MEDI 3102_ĐH20YDK.1_LT	80	07/11/2022
4	85223117	English 03	2	85223117.2_LT	32	11/11/2022
5	85223117	English 03	2	85223117.5_LT	44	11/11/2022
6	ENG 1004	English 4	4	ENG 1004.1_LT	29	11/11/2022
7	10224308	Điều dưỡng hồi sức sau phẫu thuật – Quản lý đau	2	10224308_ĐH19GM.1_LT	38	12/11/2022
8	MEDI 5102	Dân số học	1	MEDI 5102_ĐH18YDK.1_LT	63	14/11/2022
9	NUR 2220	Tổ chức và Quản lý điều dưỡng	2	NUR 2220_ĐH19ĐD.1_LT	113	15/11/2022
10	NUR 2220	Tổ chức và Quản lý điều dưỡng	2	NUR 2220_ĐH19NHA, GM, SPK.1_LT	75	15/11/2022

11	MEDI 2001	Pháp luật - Đạo đức y học	2	MEDI 2001_ĐH21YDK.1_LT	79	18/11/2022
12	NUR 2306	Điều dưỡng người lớn Ngoại 1	1	NUR 2306_ĐH14NHA,GM,SPK.1_LT	136	19/11/2022
13	NUR 1581	Điều dưỡng Sản phụ khoa	1	NUR 1581_ĐH20Nha, GM.1_LT	80	19/11/2022
14	50112201	Giới thiệu ngành phục hồi chức năng, IPE và ICF	1	50112201_ĐH14PHCN.1_LT	74	19/11/2022
15	NMW 2303	Nam học	2	NMW 2303_ĐH19SPK.1_LT	15	21/11/2022
16	50312321	Quá trình phát triển giao tiếp	3	50312321_ĐH14PHCN_NNTL.1_LT	16	22/11/2022
17	NUR 2236	Điều dưỡng gia đình và cộng đồng	2	NUR 2236_ĐH19 ĐD.1_LT	112	22/11/2022
18	POL 1006	Kinh tế chính trị Mác lê nin	2	POL 1006.1_LT	30	25/11/2022
19	POL 1006	Kinh tế chính trị Mác lê nin	2	POL 1006.2_LT	49	25/11/2022
20	POL 1006	Kinh tế chính trị Mác lê nin	2	POL 1006.3_LT	44	25/11/2022
21	POL 1006	Kinh tế chính trị Mác lê nin	2	POL 1006.4_LT	49	25/11/2022
22	POL 1006	Kinh tế chính trị Mác lê nin	2	POL 1006.5_LT	46	25/11/2022
23	POL 1006	Kinh tế chính trị Mác lê nin	2	POL 1006.6_LT	42	25/11/2022
24	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	POL 1007_Ky I.1_LT	62	25/11/2022
25	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	POL 1007_Ky I.2_LT	82	25/11/2022
26	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	POL 1007_Ky I.4_LT	47	25/11/2022
27	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	POL 1007_Ky I.5_LT	65	25/11/2022

28	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	POL 1007_Ky I .6_LT	76	25/11/2022
29	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	POL 1007_Ky I .7_LT	54	25/11/2022
30	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	POL 1007_Ky I .8_LT	58	25/11/2022
31	NUR 2308	Điều dưỡng người lớn Nội 1	2	NUR 2308_ĐH14NHA,GM,SPK.1_LT	136	30/11/2022
32	POL 1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL 1008.1_LT	48	02/12/2022
33	POL 1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL 1008.2_LT	120	02/12/2022
34	POL 1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL 1008.5_LT	121	02/12/2022
35	POL 1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL 1008.6_LT	68	02/12/2022
36	POL 1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL 1008.7_LT	51	02/12/2022
37	POL 1009	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	POL 1009.2_LT	73	02/12/2022
38	POL 1009	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	POL 1009.3_LT	82	02/12/2022
39	POL 1009	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	POL 1009.4_LT	67	02/12/2022
40	POL 1009	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	POL 1009.5_LT	80	02/12/2022
41	POL 1009	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	POL 1009.6_LT	61	02/12/2022
42	50211202	Giải phẫu chức năng Ngôn ngữ trị liệu	3	50211202_ĐH14PHCN_NNTL.1_LT	16	02/12/2022
43	50321204	Ngôn ngữ học ứng dụng	3	50321204_ĐH14PHCN_NNTL.1_LT	16	09/12/2022
44	85441015	English 01	4	85441015.1_LT	43	09/12/2022

45	85441015	English 01	4	85441015.4_LT	39	09/12/2022
46	85441015	English 01	4	85441015.5_LT	38	09/12/2022
47	85441015	English 01	4	85441015.3_LT	35	09/12/2022
48	85441015	English 01	4	85441015.6_LT	35	09/12/2022
49	85441015	English 01	4	85441015.2_LT	30	09/12/2022
50	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.1_LT	80	10/12/2022
51	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.2_LT	81	10/12/2022
52	MLT 4203	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	1	MLT 4203_ĐH19XN.1_LT	68	10/12/2022
53	MLT 4203	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	1	MLT 4203_ĐH19XN.2_LT	71	10/12/2022
54	MLT 1103	Đạo đức nghề nghiệp (XNYH)	1	MLT 1103.1_LT	39	11/12/2022
55	DEL 2206	Sử dụng, bảo trì TTBị nha khoa - TCQL ngành RHM	2	DEL 2206_ĐH20NHA.1_LT	25	12/12/2022
56	PT 4305	Phục hồi chức năng trong chấn thương thể thao	2	PT 4305_ĐH19PHCN.1_LT	53	12/12/2022
57	BIOL 1001	Sinh học và di truyền	2	BIOL 1001_ĐH22XN.1_LT	80	12/12/2022
58	BIOL 1001	Sinh học và di truyền	2	BIOL 1001_ĐH22PHCN.1_LT	79	12/12/2022
59	BIOL 1001	Sinh học và di truyền	2	BIOL 1001_ĐH22XN.2_LT	74	12/12/2022
60	BIOL 1001	Sinh học và di truyền	2	BIOL 1001_HA15.1_LT	38	12/12/2022
61	BIOL 1002	Phôi thai và Di truyền học	2	BIOL 1002_ĐH22ĐD.1_LT	111	12/12/2022

62	BIOL 1011	Sinh học	2	BIOL 1011_ĐH22YK.1_LT	119	12/12/2022
63	20223309	Điều dưỡng chuyên khoa	2	20223309_ĐH19ĐD.1_LT	113	12/12/2022
64	50422374	Các phương pháp can thiệp Hoạt động trị liệu	4	50422374_ĐH14PHCN_HDTL.1_LT	18	13/12/2022
65	50223485	Tâm lý lâm sàng	2	50223485_ĐH20 HDTL.1_LT	26	14/12/2022
66	10223361	Chăm sóc chuyển dạ	3	10223361_ĐH20SPK.1_LT	17	14/12/2022
67	10334306	Điều dưỡng gây mê hồi sức chuyên khoa bệnh lý 1	3	10334306_ĐH19GM.1_LT	38	14/12/2022
68	MEDI 2105	Kỹ năng lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp - ĐDCB)	4	MEDI 2105_ĐH21YDK.1_LT	85	14/12/2022
69	NUR 1118	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	NUR 1118_ĐH22ĐD.1_LT	109	14/12/2022
70	MLT 1103	Đạo đức nghề nghiệp (XNYH)	1	MLT 1103_ĐH22XN.1_LT	77	14/12/2022
71	MLT 1103	Đạo đức nghề nghiệp (XNYH)	1	MLT 1103_ĐH22XN.2_LT	73	14/12/2022
72	PT 1101	Đạo đức nghề nghiệp (VLTL)	1	PT 1101_ĐH22PHCN.1_LT	78	14/12/2022
73	RAD 1102	Đạo đức nghề nghiệp (KTHA)	1	RAD 1102_ĐH22KTHA.2_LT	61	14/12/2022
74	RAD 1102	Đạo đức nghề nghiệp (KTHA)	1	RAD 1102_ĐH22KTHA.1_LT	55	14/12/2022
75	DEL 3204	Giáo dục nha khoa	2	DEL 3204_đh20nha.1_LT	25	15/12/2022
76	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.1_LT	78	15/12/2022
77	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.2_LT	70	15/12/2022
78	50312213	Phương thức Vật lý trị liệu	3	50312213_ĐH14 PHCN.1_LT	74	15/12/2022

79	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.1_LT	92	16/12/2022
80	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.2_LT	85	16/12/2022
81	PT 3208	Vận động trị liệu 2	3	PT 3208_ĐH19PHCN.1_LT	53	16/12/2022
82	PT 3305	Ngôn ngữ trị liệu	2	PT 3305_ĐH20VLTL.1_LT	53	16/12/2022
83	RAD 4304	Y học hạt nhân và xạ trị	1	RAD 4304_ĐH19KTHA.1_LT	106	16/12/2022
84	50212320	Lượng giá chức năng trong Ngôn ngữ trị liệu	2	50212320_ĐH14PHCN_NNTL.1_LT	16	16/12/2022
85	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.1_LT	82	17/12/2022
86	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.2_LT	81	17/12/2022
87	SOC 2105	TCYT - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2	SOC 2105_ĐH20PHCN.1_LT	73	19/12/2022
88	SOC 2105	TCYT - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2	SOC 2105_ĐH20XN.1_LT	91	19/12/2022
89	SOC 2105	TCYT - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2	SOC 2105_ĐH20XN.2_LT	98	19/12/2022
90	SOC 2105	TCYT - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2	SOC 2105_ĐH21KTHA.1_LT	65	19/12/2022
91	SOC 2105	TCYT - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2	SOC 2105_ĐH21KTHA.2_LT	64	19/12/2022
92	10433303	Gây mê gây tê 1	4	10433303_01ĐH20GM.1_LT	40	19/12/2022
93	PHYS 1001	Vật lý và Lý sinh	2	PHYS 1001_ĐH22PHCN.1_LT	83	19/12/2022
94	PHYS 1001	Vật lý và Lý sinh	2	PHYS 1001_ĐH22XN.1_LT	78	19/12/2022
95	PHYS 1001	Vật lý và Lý sinh	2	PHYS 1001_ĐH22XN.2_LT	73	19/12/2022

96	PHYS 1001	Vật lý và Lý sinh	2	PHYS 1001_ĐH22KTHA.2_LT	61	19/12/2022
97	PHYS 1001	Vật lý và Lý sinh	2	PHYS 1001_ĐH22KTHA.1_LT	57	19/12/2022
98	BIOL 1007	Giải phẫu -Sinh lý I	4	BIOL 1007_ĐH22ĐD.1_LT	116	19/12/2022
99	PHYS 1011	Lý sinh	2	PHYS 1011_ĐH22YK.1_LT	113	19/12/2022
100	50421204	Sinh cơ học - Vận động học	4	50421204_ĐH14PHCN.1_LT	89	20/12/2022
101	MEDI 4202	Truyền nhiễm – Lao & bệnh phổi	4	MEDI 4202_ĐH19YDK.1_LT	73	20/12/2022
102	SOC 2103	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	SOC 2103_ĐH19PHCN.1_LT	63	20/12/2022
103	SOC 2103	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	SOC 2103_ĐH19XN.1_LT	66	20/12/2022
104	SOC 2103	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	SOC 2103_ĐH19XN.2_LT	73	20/12/2022
105	MEDI 2101	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn - Hô hấp)	4	MEDI 2101_ĐH21YDK.1_LT	103	20/12/2022
106	MEDI 5101	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	3	MEDI 5101_ĐH18YDK.1_LT	64	20/12/2022
107	10224409	Điều dưỡng gây mê hồi sức chuyên khoa bệnh lý 2	2	10224409_ĐH19GM.1_LT	38	21/12/2022
108	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.1_LT	77	22/12/2022
109	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.2_LT	68	22/12/2022
110	SOC 2120	Dịch tễ học và Điều dưỡng người bệnh truyền nhiễm	2	SOC 2120_đh20nha, GM, SPK.1_LT	39	22/12/2022
111	SOC 2120	Dịch tễ học và Điều dưỡng người bệnh truyền nhiễm	2	SOC 2223_ĐH20 ĐD.1_LT	96	22/12/2022
112	50312323	Rối loạn âm lời nói	3	50312323_ĐH14PHCN_NNTL.1_LT	16	22/12/2022

113	MEDI 5204	Phương pháp nghiên cứu khoa học II	2	MEDI 5204_ĐH18YDK.1_LT	64	22/12/2022
114	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.1_LT	88	22/12/2022
115	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.2_LT	75	22/12/2022
116	MATH 2001	Xác suất – thống kê y học	2	MATH 2001_HA9A.1_LT	1	23/12/2022
117	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.1_LT	58	23/12/2022
118	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.2_LT	53	23/12/2022
119	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.3_LT	45	23/12/2022
120	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.4_LT	53	23/12/2022
121	NMW 3307	Sàng lọc trước sinh - sơ sinh	3	NMW 3307_ĐH19SPK.1_LT	15	23/12/2022
122	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.1_LT	60	23/12/2022
123	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.2_LT	65	23/12/2022
124	RAD 4306	Kỹ thuật siêu âm phần mềm, khớp	2	RAD 4306_ĐH19KTHA.1_LT	105	23/12/2022
125	NUR 2221	Tâm lý và đạo đức điều dưỡng	2	NUR 2221_ĐH22ĐD.1_LT	109	23/12/2022
126	NUR 1107	Đạo đức Điều dưỡng	1	NUR 1107_Đ D 11.1_LT	1	23/12/2022
127	NUR 2234	Điều dưỡng tâm thần	2	NUR 2234_ĐH19ĐD.1_LT	113	24/12/2022
128	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.1_LT	90	24/12/2022
129	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.2_LT	89	24/12/2022

130	BIOL 1103	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	BIOL 1103_ĐH21KTHA.1_LT	70	26/12/2022
131	BIOL 1103	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	BIOL 1103_ĐH21KTHA.2_LT	61	26/12/2022
132	10223351	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	4	10223351_ĐH20NHA.1_LT	25	26/12/2022
133	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21ĐD.1_LT	82	26/12/2022
134	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21ĐD.2_LT	71	26/12/2022
135	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21NHA,GM,SPK.1_LT	133	26/12/2022
136	MEDI 3101	Kỹ năng lâm sàng 3 (phẫu thuật thực hành)	3	MEDI 3101_ĐH20YDK.1_LT	79	26/12/2022
137	30214451	Hóa sinh lâm sàng	2	30214451_ĐH19XN.1_LT	66	26/12/2022
138	30214451	Hóa sinh lâm sàng	2	30214451_ĐH19XN.2_LT	71	26/12/2022
139	50312339	Bài tập trị liệu 1	3	50312339_ĐH14PHCN.1_LT	74	26/12/2022
140	CHEM 1001	Hóa học	2	CHEM 1001_ĐH22XN.1_LT	81	26/12/2022
141	CHEM 1001	Hóa học	2	CHEM 1001_ĐH22XN.2_LT	80	26/12/2022
142	CHEM 1011	Hóa học	2	CHEM 1011_ĐH22YK.1_LT	113	26/12/2022
143	PBCP 1021	Hóa học - Lý Sinh	2	PBCP 1021_ĐH22ĐD.1_LT	110	26/12/2022
144	82221132	Hóa học - Hóa sinh	2	82221132_ĐH22PHCN.1_LT	80	26/12/2022
145	50532272	Lượng giá trong Hoạt động trị liệu	5	50532272_ĐH14PHCN_HDTL.1_LT	18	26/12/2022
146	60203255	Phương pháp nghiên cứu khoa học II	2	60203255_ĐH19XN.2_LT	78	27/12/2022

147	MEDI 4201	RHM – Mắt – TMH	3	MEDI 4201_ĐH19YDK.1_LT	71	27/12/2022
148	MEDI 1101	Hình thái chức năng 1 (Đại cương cơ thể người)	2	MEDI 1101_ĐH22YK.1_LT	112	28/12/2022
149	MEDI 1101	Hình thái chức năng 1 (Đại cương cơ thể người)	2	MEDI 1101_ĐH22YK.2_LT	46	28/12/2022
150	85223118	English 03	2	85223118.1_LT	41	28/12/2022
151	85223118	English 03	2	85223118.3_LT	32	28/12/2022
152	85223118	English 03	2	85223118.4_LT	42	28/12/2022
153	85223118	English 03	2	85223118.5_LT	39	28/12/2022
154	85223118	English 03	2	85223118.6_LT	42	28/12/2022
155	85441015	English 01	4	85441015.10_LT	36	28/12/2022
156	85441015	English 01	4	85441015.11_LT	41	28/12/2022
157	85441015	English 01	4	85441015.12_LT	39	28/12/2022
158	85441015	English 01	4	85441015.3_LT	43	28/12/2022
159	85441015	English 01	4	85441015.8_LT	49	28/12/2022
160	85441015	English 01	4	85441015.9_LT	33	28/12/2022
161	85442016	English 02	4	85442016.11_LT	37	28/12/2022
162	85442016	English 02	4	85442016.3_LT	39	28/12/2022
163	85442016	English 02	4	85442016.4_LT	34	28/12/2022

164	85442016	English 02	4	85442016.9_LT	24	28/12/2022
165	ENG 1002	English 2	4	ENG 1002.1_LT	42	28/12/2022
166	ENG 1002	English 2	4	ENG 1002.2_LT	36	28/12/2022
167	ENG 1002	English 2	4	ENG 1002.3_LT	36	28/12/2022
168	ENG 1002	English 2	4	ENG 1002.4_LT	22	28/12/2022
169	ENG 1003	English 3	4	ENG 1003.4_LT	34	28/12/2022
170	50322322	Phát triển ngôn ngữ không điển hình ở trẻ nhỏ	3	50322322_ĐH14PHCN_NNTL.1_LT	16	29/12/2022
171	CHEM 1101	Dược cơ sở	2	CHEM 1101_ĐH21KTHA.1_LT	79	30/12/2022
172	CHEM 1101	Dược cơ sở	2	CHEM 1101_ĐH21KTHA.2_LT	72	30/12/2022
173	CHEM 1101	Dược cơ sở	2	CHEM 1101_ĐH21KTXN.1_LT	86	30/12/2022
174	CHEM 1101	Dược cơ sở	2	CHEM 1101_ĐH21KTXN.2_LT	81	30/12/2022
175	50422375	Hoạt động trị liệu ngoại khoa và chỉnh hình	4	50422375_ĐH20PHCN_HDTL.1_LT	26	30/12/2022
176	MLT 4206	Quản lý chất lượng xét nghiệm	3	MLT 4206_ĐH19XN.1_LT	68	30/12/2022
177	MLT 4206	Quản lý chất lượng xét nghiệm	3	MLT 4206_ĐH19XN.2_LT	71	30/12/2022
178	MEDI 5104	Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	2	MEDI 5104_ĐH18YDK.1_LT	67	30/12/2022
179	NMW 2302	HIV/ AIDS và thai nghén	2	NMW 2302_ĐH19SPK.1_LT	15	30/12/2022
180	DEL 2101	Nha cơ sở	4	DEL 2101_ĐH21 Nha.1_LT	47	30/12/2022

181	DEL 2205	Điều dưỡng cơ bản răng hàm mặt	4	DEL 2205_ĐH19NHA.1_LT	20	30/12/2022
182	MEDI 3208	Ngoại bệnh lý	3	MEDI 3208_ĐH20YDK.1_LT	81	30/12/2022
183	PT 4303	Hoạt động trị liệu	3	PT 4303_ĐH20VLTL.1_LT	53	30/12/2022
184	RAD 4303	Xquang can thiệp	3	RAD 4303_ĐH19KTHA.1_LT	105	30/12/2022
185	MEDI 2107	Dược lý cơ sở	4	MEDI 2107_ĐH21YDK.1_LT	108	30/12/2022
186	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.1_LT	68	30/12/2022
187	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.2_LT	63	30/12/2022
188	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.1_LT	88	30/12/2022
189	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.2_LT	83	30/12/2022
190	BIOL 1103	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	BIOL 1103_ĐH21KTXN.1_LT	82	03/01/2023
191	BIOL 1103	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	BIOL 1103_ĐH21KTXN.2_LT	83	03/01/2023
192	50312205	Lượng giá chức năng	3	50312205_ĐH14 PHCN.1_LT	74	03/01/2023
193	60203255	Phương pháp nghiên cứu khoa học II	2	60203255_ĐH19XN.1_LT	74	03/01/2023
194	SOC 3101	Phương pháp nghiên cứu khoa học I	2	SOC 3101_ĐH20KTHA.1_LT	41	03/01/2023
195	SOC 3101	Phương pháp nghiên cứu khoa học I	2	SOC 3101_ĐH20KTHA.2_LT	54	03/01/2023
196	SOC 3101	Phương pháp nghiên cứu khoa học I	2	SOC 3101_ĐH20PHCN.1_LT	40	03/01/2023
197	NUR 2222	Điều dưỡng sản phụ khu khoa	3	NUR 2222_ĐH20ĐD .1_LT	95	03/01/2023

198	NUR 3210	Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	3	NUR 3210_ĐH19ĐD.1_LT	113	03/01/2023
199	MLT 4308	Vì sinh -Miễn Dịch	2	MLT 4308_ĐH19XN.1_LT	66	03/01/2023
200	MLT 4308	Vì sinh -Miễn Dịch	2	MLT 4308_ĐH19XN.2_LT	70	03/01/2023
201	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003_ĐH22KTHA.2_LT	61	03/01/2023
202	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003_ĐH22KTHA.1_LT	57	03/01/2023
203	BIOL 1101	Giải phẫu - Sinh lý	5	BIOL 1101_ĐH22PHCN.1_LT	80	03/01/2023
204	BIOL 1008	Giải phẫu -Sinh lý II	2	BIOL 1008_ĐH22ĐD.1_LT	112	03/01/2023
205	PT 4307	Quản lý phục hồi chức năng	1	PT 4307_ĐH19PHCN.1_LT	53	04/01/2023
206	MEDI 2102	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa - Tiết niệu)	4	MEDI 2102_ĐH21YDK.1_LT	104	04/01/2023
207	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.1_LT	81	04/01/2023
208	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.2_LT	73	04/01/2023
209	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.1_LT	64	04/01/2023
210	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.2_LT	64	04/01/2023
211	50222351	Tổng quan về Hoạt động trị liệu	2	50222351_ĐH14PHCN_HDTL.1_LT	24	04/01/2023
212	20113324	Điều dưỡng trẻ em	1	20113324_đh20nha, GM, SPK.1_LT	107	05/01/2023
213	MEDI 3207	Nội bệnh lý	4	MEDI 3207_ĐH20YDK.1_LT	104	05/01/2023
214	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.1_LT	91	06/01/2023

215	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.2_LT	87	06/01/2023
216	SOC 2108	Sức khỏe - nâng cao sức khỏe (SKMT- GD SK)	2	SOC 2108_ĐH20PHCN.1_LT	75	06/01/2023
217	RAD 4307	Kỹ thuật cộng hưởng từ bụng, cột sống	2	RAD 4307_ĐH19KTHA.1_LT	104	06/01/2023
218	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.1_LT	68	06/01/2023
219	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.2_LT	77	06/01/2023
220	POL 1005	Triết học Mác lê nin	3	POL 1005_ĐH22ĐD.1_LT	116	06/01/2023
221	POL 1005	Triết học Mác lê nin	3	POL 1005_ĐH22YK.1_LT	112	06/01/2023
222	POL 1005	Triết học Mác lê nin	3	POL 1005_ĐH22PHCN.1_LT	81	06/01/2023
223	POL 1005	Triết học Mác lê nin	3	POL 1005_ĐH22XN.1_LT	77	06/01/2023
224	POL 1005	Triết học Mác lê nin	3	POL 1005_ĐH22XN.2_LT	73	06/01/2023
225	POL 1005	Triết học Mác lê nin	3	POL 1005_ĐH22HA.2_LT	60	06/01/2023
226	POL 1005	Triết học Mác lê nin	3	POL 1005_ĐH22HA.1_LT	56	06/01/2023
227	BIOL 2104	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	BIOL 2104_ĐH19PHCN.1_LT	56	07/01/2023
228	50532273	Nguyên lý và Kỹ năng cơ bản Hoạt động trị liệu	5	50532273_ĐH21PHCN14_HDTL.1_LT	18	07/01/2023

229	MLT 2210	Hoá sinh 2	4	MLT 2210_XN13.1_LT	36	07/01/2023
230	PT 3201	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương 2	3	PT 3201_ĐH20VLTL.1_LT	53	07/01/2023
231	NUR 4203	Điều dưỡng người bệnh ung thư và Chăm sóc giảm nhẹ	2	NUR 4203_ĐH19ĐD.1_LT	113	09/01/2023
232	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.1_LT	81	09/01/2023
233	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.2_LT	68	09/01/2023
234	50312214	Vận động trị liệu	3	50312214_ĐH14PHCN.1_LT	74	09/01/2023
235	DEL 3203	Cấp cứu răng miệng	2	DEL 3203_ĐH19NHA.1_LT	20	09/01/2023
236	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.1_LT	58	09/01/2023
237	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.2_LT	68	09/01/2023
238	20223309	Điều dưỡng chuyên khoa	2	20223309_ĐH19SPK.1_LT	15	09/01/2023
239	50423376	Hoạt động trị liệu Nội và Lão khoa	4	50423376_ĐH20PHCN_HDTL.1_LT	26	09/01/2023

PHẦN THỰC HÀNH

STT	MÃ HP	Tên học phần	Số TC	Tên lớp	Sĩ số	Ngày thi
KHOA KHCB						
1	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.3_LT.2_TH	14	04/12/2022
2	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.4_LT.2_TH	17	
3	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.2_LT.2_TH	23	09/12/2022
4	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.1_LT.1_TH	28	
5	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.1_LT.2_TH	30	16 - 17/12/2022
6	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.2_LT.1_TH	30	
7	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.3_LT.1_TH	31	
8	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003.4_LT.1_TH	36	
9	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003_ĐH22KTHA.1_LT.1_TH	28	26 - 30/12/2022
10	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003_ĐH22KTHA.1_LT.2_TH	29	
11	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003_ĐH22KTHA.2_LT.1_TH	31	
12	MATH 2003	Xác suất – thống kê y học	3	MATH 2003_ĐH22KTHA.2_LT.2_TH	31	
13	INT 4101	Tin học ứng dụng	2	INT 4101_ĐH19YDK.1_LT.3_TH	1	26/11-5/12/2022
14	INT 4101	Tin học ứng dụng	2	INT 4101_ĐH19YDK.1_LT.2_TH	28	
15	INT 4101	Tin học ứng dụng	2	INT 4101_ĐH19YDK.1_LT	68	

16	INT 1003	Tin học	3	INT 1003.1_LT.2_TH	28	5-19/11/2022
17	INT 1003	Tin học	3	INT 1003.1_LT.1_TH	31	
18	INT 1003	Tin học	3	INT 1003.1_LT.3_TH	34	
19	INT 1003	Tin học	3	INT 1003.1_LT.5_TH	34	
20	INT 1003	Tin học	3	INT 1003.1_LT.4_TH	38	
21	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_ĐH22KTHA.2_LT.1_TH	31	12 - 31/12/2022
22	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_ĐH22KTHA.2_LT.2_TH	31	
23	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_XN15.1_LT.1_TH	29	
24	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_XN15.2_LT.1_TH	33	
25	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_XN15.3_LT.1_TH	31	
26	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_XN15.4_LT.1_TH	26	
27	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_XN15.5_LT.1_TH	31	
28	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_ĐH22KTHA.1_LT.1_TH	28	
29	INT 1003	Tin học	3	INT 1003_ĐH22KTHA.1_LT.2_TH	31	
30	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_ĐH22XN.1_LT	77	26-28/12/2022
31	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_ĐH22XN.1_LT.3_TH	16	
32	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_ĐH22XN.1_LT.5_TH	16	
33	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_ĐH22XN.2_LT.4_TH	16	

34	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_DH22XN.1_LT.1_TH	15	28-31/12/2022
35	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_DH22XN.1_LT.4_TH	15	
36	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_DH22XN.2_LT	73	
37	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_DH22XN.2_LT.1_TH	15	
38	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_DH22XN.2_LT.2_TH	15	
39	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_DH22XN.2_LT.3_TH	15	
40	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_DH22XN.1_LT.2_TH	14	
41	PBCP 1001	Thực hành tổng hợp (KHCB)	1	PBCP 1001_DH22XN.2_LT.5_TH	12	
42	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh - Hóa - Lý)	2	PBCP 1011_DH22YK.1_LT	113	04-07/01/2023
43	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh - Hóa - Lý)	2	PBCP 1011_DH22YK.1_LT.7_TH	18	
44	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh - Hóa - Lý)	2	PBCP 1011_DH22YK.1_LT.5_TH	17	
45	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh - Hóa - Lý)	2	PBCP 1011_DH22YK.1_LT.1_TH	16	
46	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh - Hóa - Lý)	2	PBCP 1011_DH22YK.1_LT.2_TH	16	
47	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh - Hóa - Lý)	2	PBCP 1011_DH22YK.1_LT.4_TH	16	
48	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh - Hóa - Lý)	2	PBCP 1011_DH22YK.1_LT.6_TH	16	
49	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh - Hóa - Lý)	2	PBCP 1011_DH22YK.1_LT.3_TH	14	

KHOA YHCS

1	BIOL 1007	Giải phẫu - Sinh lý I	4	BIOL 1007_ĐH22ĐDD.1_LT.3_TH	36	17/11/2022
2	BIOL 1007	Giải phẫu - Sinh lý I	4	BIOL 1007_ĐH22ĐDD.1_LT.2_TH	35	
3	BIOL 1007	Giải phẫu - Sinh lý I	4	BIOL 1007_ĐH22ĐDD.1_LT.1_TH	33	
4	BIOL 1007	Giải phẫu - Sinh lý I	4	BIOL 1007_ĐH22ĐDD.1_LT.4_TH	12	
5	BIOL 1008	Giải phẫu - Sinh lý II	2	BIOL 1008_ĐH22ĐDD.1_LT.2_TH	35	21/12/2022
6	BIOL 1008	Giải phẫu - Sinh lý II	2	BIOL 1008_ĐH22ĐDD.1_LT.3_TH	33	
7	BIOL 1008	Giải phẫu - Sinh lý II	2	BIOL 1008_ĐH22ĐDD.1_LT.1_TH	32	
8	BIOL 1008	Giải phẫu - Sinh lý II	2	BIOL 1008_ĐH22ĐDD.1_LT.4_TH	12	
9	BIOL 1101	Giải phẫu - Sinh lý	5	BIOL 1101_ĐH22PHCN.1_LT.1_TH	20	06/12/2022
10	BIOL 1101	Giải phẫu - Sinh lý	5	BIOL 1101_ĐH22PHCN.1_LT.2_TH	20	
11	BIOL 1101	Giải phẫu - Sinh lý	5	BIOL 1101_ĐH22PHCN.1_LT.3_TH	20	
12	BIOL 1101	Giải phẫu - Sinh lý	5	BIOL 1101_ĐH22PHCN.1_LT.4_TH	20	
13	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.2_LT.3_TH	10	
14	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.1_LT.1_TH	13	
15	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.1_LT.6_TH	13	
16	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.2_LT.1_TH	13	

17	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.1_LT.4_TH	14	22,23 /12/2022
18	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.1_LT.2_TH	15	
19	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.1_LT.3_TH	15	
20	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.2_LT.2_TH	15	
21	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.2_LT.4_TH	15	
22	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.2_LT.5_TH	15	
23	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.2_LT.6_TH	15	
24	MLT 3205	Tế bào - Mô bệnh học	4	MLT 3205_ĐH20XN.1_LT.5_TH	18	
25	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.1_LT.4_TH	5	20,21/12/2022
26	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.2_LT.4_TH	7	
27	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.2_LT.2_TH	18	
28	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.1_LT.2_TH	19	
29	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.2_LT.1_TH	19	
30	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.1_LT.1_TH	20	
31	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.1_LT.3_TH	20	
32	RAD 1101	Giải phẫu bệnh	2	RAD 1101_ĐH21KTHA.2_LT.3_TH	20	
33	MEDI 2102	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa - Tiết niệu)	4	MEDI 2102_ĐH21YDK.1_LT.5_TH	14	
34	MEDI 2102	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa - Tiết niệu)	4	MEDI 2102_ĐH21YDK.1_LT.6_TH	17	

35	MEDI 2102	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa - Tiết niệu)	4	MEDI 2102_ĐH21YDK.1_LT.1_TH	18	28/12/2022
36	MEDI 2102	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa - Tiết niệu)	4	MEDI 2102_ĐH21YDK.1_LT.3_TH	18	
37	MEDI 2102	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa - Tiết niệu)	4	MEDI 2102_ĐH21YDK.1_LT.4_TH	18	
38	MEDI 2102	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa - Tiết niệu)	4	MEDI 2102_ĐH21YDK.1_LT.2_TH	19	
39	MEDI 2101	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn - Hô hấp)	4	MEDI 2101_ĐH21YDK.1_LT.6_TH	11	10/12/2022
40	MEDI 2101	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn - Hô hấp)	4	MEDI 2101_ĐH21YDK.1_LT.5_TH	14	
41	MEDI 2101	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn - Hô hấp)	4	MEDI 2101_ĐH21YDK.1_LT.4_TH	18	
42	MEDI 2101	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn - Hô hấp)	4	MEDI 2101_ĐH21YDK.1_LT.2_TH	19	
43	MEDI 2101	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn - Hô hấp)	4	MEDI 2101_ĐH21YDK.1_LT.3_TH	19	
44	MEDI 2101	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn - Hô hấp)	4	MEDI 2101_ĐH21YDK.1_LT.1_TH	22	

KHOA YHDP-YTCC

1	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21ĐD.2_LT.1_TH	21	13-15/12/2022
2	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21ĐD.1_LT.2_TH	22	
3	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21ĐD.2_LT.3_TH	22	
4	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21ĐD.1_LT.1_TH	29	
5	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21ĐD.1_LT.3_TH	29	
6	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	SOC 2131_ĐH21ĐD.2_LT.2_TH	29	
7	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	ĐH21NHA,GM,SPK.1_LT.3_TH	35	
8	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	ĐH21NHA,GM,SPK.1_LT.2_TH	48	
9	SOC 2131	Sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	ĐH21NHA,GM,SPK.1_LT.1_TH	49	

KHOA CDHA

1	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.1_LT.3_TH	12	26,27,28,29, 30/12/2022
2	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.1_LT.2_TH	17	
3	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.2_LT.3_TH	18	
4	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.1_LT.1_TH	19	
5	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.2_LT.4_TH	19	
6	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.1_LT.4_TH	20	
7	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.2_LT.1_TH	20	
8	RAD 2201	XQuang xương khớp 1	4	RAD 2201_ĐH21KTHA.2_LT.2_TH	20	
9	RAD 4303	Xquang can thiệp	3	RAD 4303_ĐH19KTHA.1_LT.5_TH	8	19,20, 21,22/12/2022
10	RAD 4303	Xquang can thiệp	3	RAD 4303_ĐH19KTHA.1_LT.6_TH	14	
11	RAD 4303	Xquang can thiệp	3	RAD 4303_ĐH19KTHA.1_LT.3_TH	20	
12	RAD 4303	Xquang can thiệp	3	RAD 4303_ĐH19KTHA.1_LT.1_TH	21	
13	RAD 4303	Xquang can thiệp	3	RAD 4303_ĐH19KTHA.1_LT.2_TH	21	
14	RAD 4303	Xquang can thiệp	3	RAD 4303_ĐH19KTHA.1_LT.4_TH	21	
15	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.2_LT.2_TH	13	
16	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.2_LT.3_TH	15	

17	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.1_LT.2_TH	17	19- 22/12/2022
18	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.2_LT.1_TH	17	
19	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.2_LT.4_TH	18	
20	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.1_LT.1_TH	21	
21	RAD 2205	XQuang bộ máy tiêu hóa	4	RAD 2205_ĐH20KTHA.1_LT.3_TH	30	
22	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.2_LT.4_TH	9	12- 16/12/2022
23	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.2_LT.2_TH	12	
24	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.2_LT.3_TH	17	
25	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.1_LT.1_TH	18	
26	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.1_LT.2_TH	20	
27	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.1_LT.3_TH	22	
28	RAD 3201	XQuang bộ máy sinh dục- tiết niệu	4	RAD 3201_ĐH20KTHA.2_LT.1_TH	27	12-15/12/2022
29	RAD 4306	Kỹ thuật siêu âm phần mềm, khớp	2	RAD 4306_ĐH19KTHA.1_LT.3_TH	12	
30	RAD 4306	Kỹ thuật siêu âm phần mềm, khớp	2	RAD 4306_ĐH19KTHA.1_LT.6_TH	14	
31	RAD 4306	Kỹ thuật siêu âm phần mềm, khớp	2	RAD 4306_ĐH19KTHA.1_LT.1_TH	15	
32	RAD 4306	Kỹ thuật siêu âm phần mềm, khớp	2	RAD 4306_ĐH19KTHA.1_LT.2_TH	21	
33	RAD 4306	Kỹ thuật siêu âm phần mềm, khớp	2	RAD 4306_ĐH19KTHA.1_LT.5_TH	21	

34	RAD 4306	Kỹ thuật siêu âm phần mềm, khớp	2	RAD 4306_ĐH19KTHA.1_LT.4_TH	22	
35	RAD 4307	Kỹ thuật cộng hưởng từ bụng, cột sống	2	RAD 4307_ĐH19KTHA.1_LT.1_TH	14	26,27/12/2022
36	RAD 4307	Kỹ thuật cộng hưởng từ bụng, cột sống	2	RAD 4307_ĐH19KTHA.1_LT.5_TH	14	
37	RAD 4307	Kỹ thuật cộng hưởng từ bụng, cột sống	2	RAD 4307_ĐH19KTHA.1_LT.6_TH	15	
38	RAD 4307	Kỹ thuật cộng hưởng từ bụng, cột sống	2	RAD 4307_ĐH19KTHA.1_LT.4_TH	19	
39	RAD 4307	Kỹ thuật cộng hưởng từ bụng, cột sống	2	RAD 4307_ĐH19KTHA.1_LT.2_TH	21	
40	RAD 4307	Kỹ thuật cộng hưởng từ bụng, cột sống	2	RAD 4307_ĐH19KTHA.1_LT.3_TH	21	
41	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.2_LT.2_TH	11	28,29/12/2022
42	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.1_LT.2_TH	17	
43	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.2_LT.3_TH	18	
44	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.2_LT.4_TH	18	
45	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.1_LT.1_TH	20	
46	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.1_LT.3_TH	21	
47	RAD 3203	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	4	RAD 3203_ĐH20KTHA.2_LT.1_TH	21	
48	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.1_LT.4_TH	10	
49	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.2_LT.3_TH	11	
50	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.2_LT.5_TH	11	

51	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.2_LT.2_TH	13	13,14,15, 16/12/2022
52	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.1_LT.3_TH	18	
53	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.1_LT.2_TH	19	
54	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.1_LT.5_TH	19	
55	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.2_LT.1_TH	20	
56	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.2_LT.4_TH	20	
57	RAD 1104	Kỹ thuật buồng tối - Bảo trì máy - An toàn phóng xạ	2	RAD 1104_ĐH21KTHA.1_LT.1_TH	22	
58	MEDI 3102	Chẩn đoán hình ảnh	2	MEDI 3102_ĐH20YDK.1_LT.4_TH	16	22,24,25/10/2022
59	MEDI 3102	Chẩn đoán hình ảnh	2	MEDI 3102_ĐH20YDK.1_LT.3_TH	18	
60	MEDI 3102	Chẩn đoán hình ảnh	2	MEDI 3102_ĐH20YDK.1_LT.1_TH	23	
61	MEDI 3102	Chẩn đoán hình ảnh	2	MEDI 3102_ĐH20YDK.1_LT.2_TH	23	
KHOA XÉT NGHIỆM						
1	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.1_LT.4_TH	13	
2	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.1_LT.6_TH	13	
3	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.2_LT.1_TH	13	
4	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.2_LT.3_TH	14	
5	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.1_LT.3_TH	15	

6	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.2_LT.4_TH	15	20-21/12/2022
7	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.2_LT.6_TH	15	
8	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.1_LT.1_TH	16	
9	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.1_LT.2_TH	16	
10	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.2_LT.2_TH	16	
11	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.2_LT.5_TH	16	
12	MLT 3203	Vi sinh 3	3	MLT 3203_ĐH20XN.1_LT.5_TH	17	
13	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.2_LT.4_TH	16	05-06/01/2023
14	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.1_LT.3_TH	17	
15	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.2_LT.1_TH	17	
16	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.2_LT.3_TH	17	
17	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.2_LT.2_TH	19	
18	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.1_LT.4_TH	21	
19	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.1_LT.1_TH	22	
20	MLT 2205	Vi sinh 1	3	MLT 2205_ĐH21XN.1_LT.2_TH	22	
21	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.2_LT.4_TH	15	
22	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.1_LT.3_TH	16	

23	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.2_LT.1_TH	16	12-13/12/2022
24	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.2_LT.3_TH	17	
25	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.1_LT.1_TH	20	
26	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.1_LT.2_TH	21	
27	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.2_LT.2_TH	21	
28	MLT 2207	Ký sinh trùng 1	3	MLT 2207_ĐH21KTXN.1_LT.4_TH	22	
29	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.2_LT.3_TH	11	04-05/01/2023
30	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.1_LT.6_TH	13	
31	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.1_LT.4_TH	14	
32	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.2_LT.1_TH	14	
33	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.1_LT.1_TH	15	
34	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.1_LT.2_TH	15	
35	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.1_LT.3_TH	15	
36	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.2_LT.2_TH	15	
37	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.2_LT.4_TH	15	
38	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.2_LT.5_TH	16	
39	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.2_LT.6_TH	16	

40	MLT 3202	Huyết học 3	3	MLT 3202_ĐH20XN.1_LT.5_TH	19	19-20/12/2022
41	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.2_LT.1_TH	16	
42	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.2_LT.3_TH	17	
43	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.2_LT.4_TH	17	
44	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.2_LT.2_TH	18	
45	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.1_LT.1_TH	19	
46	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.1_LT.2_TH	19	
47	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.1_LT.3_TH	19	
48	MLT 2201	Huyết học 1	5	MLT 2201_ĐH21XN.1_LT.4_TH	20	
49	30214451	Hóa sinh lâm sàng	2	30214451_ĐH19XN.1_LT.3_TH	18	22-23/12/2022
50	30214451	Hóa sinh lâm sàng	2	30214451_ĐH19XN.2_LT.3_TH	21	
51	30214451	Hóa sinh lâm sàng	2	30214451_ĐH19XN.1_LT.1_TH	23	
52	30214451	Hóa sinh lâm sàng	2	30214451_ĐH19XN.2_LT.1_TH	23	
53	30214451	Hóa sinh lâm sàng	2	30214451_ĐH19XN.1_LT.2_TH	25	
54	30214451	Hóa sinh lâm sàng	2	30214451_ĐH19XN.2_LT.2_TH	27	
55	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.2_LT.3_TH	11	
56	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.1_LT.6_TH	13	
57	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.2_LT.6_TH	13	

58	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.1_LT.1_TH	14	13-14/12/2022
59	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.2_LT.4_TH	14	
60	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.1_LT.2_TH	15	
61	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.1_LT.3_TH	15	
62	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.1_LT.4_TH	15	
63	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.2_LT.1_TH	15	
64	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.2_LT.2_TH	16	
65	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.2_LT.5_TH	16	
66	MLT 3201	Hóa sinh 3	2	MLT 3201_ĐH20XN.1_LT.5_TH	20	17/12/2022
67	MLT 2210	Hoá sinh 2	4	MLT 2210_XN13.1_LT.2_TH	17	
68	MLT 2210	Hoá sinh 2	4	MLT 2210_XN13.1_LT.1_TH	19	26-27/12/2022
69	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.2_LT.4_TH	17	
70	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.2_LT.1_TH	18	
71	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.2_LT.3_TH	18	
72	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.2_LT.2_TH	19	
73	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.1_LT.1_TH	20	
74	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.1_LT.2_TH	20	
75	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.1_LT.3_TH	21	
76	MLT 2203	Hóa sinh 1	3	MLT 2203_ĐH21XN.1_LT.4_TH	21	

KHOA Y

1	DEL 2101	Nha cơ sở	4	DEL 2101_ĐH21 Nha.1_LT.3_TH	13	06/12/2022
2	DEL 2101	Nha cơ sở	4	DEL 2101_ĐH21 Nha.1_LT.1_TH	17	
3	DEL 2101	Nha cơ sở	4	DEL 2101_ĐH21 Nha.1_LT.2_TH	17	
4	NUR 2222	Điều dưỡng sản phụ khu khoa	3	NUR 2222_ĐH20ĐD .1_LT.4_TH	16	17/11/2022
5	NUR 2222	Điều dưỡng sản phụ khu khoa	3	NUR 2222_ĐH20ĐD .1_LT.1_TH	19	
6	NUR 2222	Điều dưỡng sản phụ khu khoa	3	NUR 2222_ĐH20ĐD .1_LT.2_TH	20	
7	NUR 2222	Điều dưỡng sản phụ khu khoa	3	NUR 2222_ĐH20ĐD .1_LT.3_TH	20	
8	NUR 2222	Điều dưỡng sản phụ khu khoa	3	NUR 2222_ĐH20ĐD .1_LT.5_TH	20	
9	MEDI 3101	Kỹ năng lâm sàng 3 (phẫu thuật thực hành)	3	MEDI 3101_ĐH20YDK.1_LT.4_TH	9	
10	MEDI 3101	Kỹ năng lâm sàng 3 (phẫu thuật thực hành)	3	MEDI 3101_ĐH20YDK.1_LT.3_TH	17	
11	MEDI 3101	Kỹ năng lâm sàng 3 (phẫu thuật thực hành)	3	MEDI 3101_ĐH20YDK.1_LT.5_TH	17	
12	MEDI 3101	Kỹ năng lâm sàng 3 (phẫu thuật thực hành)	3	MEDI 3101_ĐH20YDK.1_LT.1_TH	18	
13	MEDI 3101	Kỹ năng lâm sàng 3 (phẫu thuật thực hành)	3	MEDI 3101_ĐH20YDK.1_LT.2_TH	18	
14	DEL 3204	Giáo dục nha khoa	1	DEL 3204_đh20nha.1_LT.1_TH	15	23/11/2022
15	DEL 3204	Giáo dục nha khoa	1	DEL 3204_đh20nha.1_LT.2_TH	10	
16	DEL 2206	Sử dụng, bảo trì TTBị nha khoa - TCQL ngành RHM	2	DEL 2206_ĐH20NHA.1_LT.3_TH	11	21/11/2022
17	DEL 2206	Sử dụng, bảo trì TTBị nha khoa - TCQL ngành RHM	2	DEL 2206_ĐH20NHA.1_LT.1_TH	14	
18	DEL 2205	Điều dưỡng cơ bản răng hàm mặt	2	DEL 2205_ĐH19NHA_LT.1_TH	12	08/12/2022
19	DEL 2205	Điều dưỡng cơ bản răng hàm mặt	2	DEL 2205_ĐH19NHA_LT.1_TH	8	

KHOA PHCN

1	50421204	Sinh cơ học - Vận động học	4	50421204_ĐH14PHCN.1_LT.3_TH	13	16/12/2022
2	50421204	Sinh cơ học - Vận động học	4	50421204_ĐH14PHCN.1_LT.5_TH	19	19/12/2022
3	50421204	Sinh cơ học - Vận động học	4	50421204_ĐH14PHCN.1_LT.4_TH	19	
4	50421204	Sinh cơ học - Vận động học	4	50421204_ĐH14PHCN.1_LT.1_TH	20	
5	50421204	Sinh cơ học - Vận động học	4	50421204_ĐH14PHCN.1_LT.2_TH	18	
6	50312323	Rối loạn âm lời nói	3	ĐH14PHCN_NNTL.1_LT.1_TH	15	20/12/2022
7	50312321	Quá trình phát triển giao tiếp	3	ĐH14PHCN_NNTL.1_LT.1_TH	15	15/11/2022
8	50312213	Phương thức Vật lý trị liệu	3	50312213_ĐH14 PHCN.1_LT.3_TH	14	13/12/2022
9	50312213	Phương thức Vật lý trị liệu	3	50312213_ĐH14 PHCN.1_LT.4_TH	18	
10	50312213	Phương thức Vật lý trị liệu	3	50312213_ĐH14 PHCN.1_LT.1_TH	21	
11	50312213	Phương thức Vật lý trị liệu	3	50312213_ĐH14 PHCN.1_LT.2_TH	21	
12	NUR 3210	Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	3	NUR 3210_ĐH19ĐD.1_LT.6_TH	11	20/12/2022
13	NUR 3210	Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	3	NUR 3210_ĐH19ĐD.1_LT.2_TH	20	
14	NUR 3210	Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	3	NUR 3210_ĐH19ĐD.1_LT.4_TH	20	
15	NUR 3210	Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	3	NUR 3210_ĐH19ĐD.1_LT.5_TH	20	21/12/2022
16	NUR 3210	Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	3	NUR 3210_ĐH19ĐD.1_LT.1_TH	21	

17	NUR 3210	Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền	3	NUR 3210_ĐH19ĐD.1_LT.3_TH	21	
18	PT 4305	Phục hồi chức năng trong chấn thương thể thao	2	PT 4305_ĐH19PHCN.1_LT.3_TH	16	09/12/2022
19	PT 4305	Phục hồi chức năng trong chấn thương thể thao	2	PT 4305_ĐH19PHCN.1_LT.1_TH	18	
20	PT 4305	Phục hồi chức năng trong chấn thương thể thao	2	PT 4305_ĐH19PHCN.1_LT.2_TH	18	
21	50322322	Phát triển ngôn ngữ không điển hình ở trẻ nhỏ	3	ĐH14PHCN_NNTL.1_LT.1_TH	15	28/12//2022
22	50532273	Nguyên lý và Kỹ năng cơ bản Hoạt động trị liệu	5	ĐH21PHCN14_HDTL.1_LT.1_TH	18	30/12/2022
23	PT 3305	Ngôn ngữ trị liệu	2	PT 3305_ĐH20VLTL.1_LT.2_TH	16	12/12/2022
24	PT 3305	Ngôn ngữ trị liệu	2	PT 3305_ĐH20VLTL.1_LT.3_TH	17	
25	PT 3305	Ngôn ngữ trị liệu	2	PT 3305_ĐH20VLTL.1_LT.1_TH	20	
26	50321204	Ngôn ngữ học ứng dụng	3	ĐH14PHCN_NNTL.1_LT.1_TH	15	06/12/2022
27	50532272	Lượng giá trong Hoạt động trị liệu	5	ĐH14PHCN_HDTL.1_LT.1_TH	18	23/12/2022
28	50212320	Lượng giá chức năng trong Ngôn ngữ trị liệu	2	ĐH14PHCN_NNTL.1_LT.1_TH	15	12/12/2022
29	50312205	Lượng giá chức năng	3	50312205_ĐH14 PHCN.1_LT.3_TH	13	30/12/2022
30	50312205	Lượng giá chức năng	3	50312205_ĐH14 PHCN.1_LT.4_TH	19	
31	50312205	Lượng giá chức năng	3	50312205_ĐH14 PHCN.1_LT.1_TH	21	
32	50312205	Lượng giá chức năng	3	50312205_ĐH14 PHCN.1_LT.2_TH	21	
33	50423376	Hoạt động trị liệu Nội và Lão khoa	4	ĐH20PHCN_HDTL.1_LT.1_TH	26	07/01/2023

34	50422375	Hoạt động trị liệu ngoại khoa và chỉnh hình	4	ĐH20PHCN_HDTL.1_LT.1_TH	26	26/12/2022
35	PT 4303	Hoạt động trị liệu	3	PT 4303_ĐH20VLTL.1_LT.3_TH	17	27/12/2022
36	PT 4303	Hoạt động trị liệu	3	PT 4303_ĐH20VLTL.1_LT.1_TH	18	
37	PT 4303	Hoạt động trị liệu	3	PT 4303_ĐH20VLTL.1_LT.2_TH	18	
38	50211202	Giải phẫu chức năng Ngôn ngữ trị liệu	3	ĐH14PHCN_NNTL.1_LT.1_TH	15	29/11/2022
39	50422374	Các phương pháp can thiệp Hoạt động trị liệu	4	ĐH14PHCN_HDTL.1_LT.1_TH	18	08/12/2022
40	PT 3201	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương 2	3	PT 3201_ĐH20VLTL.1_LT.3_TH	17	04/01/2023
41	PT 3201	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương 2	3	PT 3201_ĐH20VLTL.1_LT.1_TH	18	
42	PT 3201	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương 2	3	PT 3201_ĐH20VLTL.1_LT.2_TH	18	
43	50312214	Vận động trị liệu	3	50312214_ĐH14PHCN.1_LT.1_TH	20	06/01/2023
44	50312214	Vận động trị liệu	3	50312214_ĐH14PHCN.1_LT.2_TH	22	
45	50312214	Vận động trị liệu	3	50312214_ĐH14PHCN.1_LT.3_TH	12	
46	50312214	Vận động trị liệu	3	50312214_ĐH14PHCN.1_LT.4_TH	20	
47	50312339	Bài tập trị liệu 1	3	50312339_ĐH14PHCN.1_LT.3_TH	12	23/12/2022
48	50312339	Bài tập trị liệu 1	3	50312339_ĐH14PHCN.1_LT.4_TH	19	
49	50312339	Bài tập trị liệu 1	3	50312339_ĐH14PHCN.1_LT.1_TH	21	
50	50312339	Bài tập trị liệu 1	3	50312339_ĐH14PHCN.1_LT.2_TH	21	

KHOA ĐIỀU DƯỠNG

1	NUR 1118	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	NUR 1118_ĐH22ĐD.1_LT.1_TH	21	06-08 /12/2022
2	NUR 1118	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	NUR 1118_ĐH22ĐD.1_LT.2_TH	19	
3	NUR 1118	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	NUR 1118_ĐH22ĐD.1_LT.3_TH	19	
4	NUR 1118	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	NUR 1118_ĐH22ĐD.1_LT.5_TH	19	
5	NUR 1118	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	NUR 1118_ĐH22ĐD.1_LT.6_TH	18	
6	NUR 1118	Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	NUR 1118_ĐH22ĐD.1_LT.4_TH	3	
7	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.2_LT.1_TH	10	21/11/2022
8	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.1_LT.2_TH	11	24/11/2022
9	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.2_LT.5_TH	11	23/11/2022
10	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.1_LT.3_TH	14	24/11/2022
11	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.1_LT.1_TH	18	24/11/2022
12	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.1_LT.5_TH	18	25/11/2022
13	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.1_LT.4_TH	19	25/11/2022
14	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.2_LT.4_TH	19	23/11/2022

15	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.2_LT.3_TH	20	21/11/2022
16	NUR 2226	Điều dưỡng người lớn nội khoa 1	3	NUR 2226_ĐH21ĐD.2_LT.2_TH	21	21/11/2022
17	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.2_LT.1_TH	8	28/11/2022
18	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.1_LT.3_TH	13	01/12/2022
19	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.2_LT.5_TH	13	28/11/2022
20	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.1_LT.2_TH	14	02/12/2022
21	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.1_LT.1_TH	17	01/12/2022
22	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.1_LT.4_TH	18	02/12/2022
23	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.2_LT.3_TH	18	28/11/2022
24	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.1_LT.5_TH	20	01/12/2022
25	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.2_LT.2_TH	21	30/11/2022
26	NUR 2230	Điều dưỡng người lớn ngoại khoa 1	3	NUR 2230_ĐH21ĐD.2_LT.4_TH	21	30/11/2022
27	DEL 2205	Điều dưỡng cơ bản răng hàm mặt	4	DEL 2205_ĐH19NHA.1_LT.2_TH	8	08/12/2022
28	DEL 2205	Điều dưỡng cơ bản răng hàm mặt	4	DEL 2205_ĐH19NHA.1_LT.1_TH	12	
29	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.2_LT.5_TH	9	22/12/2022

30	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.1_LT.2_TH	12	19/12/2022
31	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.2_LT.1_TH	14	21/12/2022
32	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.1_LT.3_TH	15	19/12/2022
33	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.1_LT.1_TH	17	19/12/2022
34	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.1_LT.4_TH	18	20/12/2022
35	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.1_LT.5_TH	18	20/12/2022
36	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.2_LT.2_TH	18	21/12/2022
37	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	NUR 1116_ĐH21 ĐD.2_LT.3_TH	19	22/12/2022
38	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 San, Nha, GM.1_LT.8_TH	6	29/12/2022
39	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 San, Nha, GM.1_LT.7_TH	8	
40	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 San, Nha, GM.1_LT.4_TH	19	
41	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 San, Nha, GM.1_LT.5_TH	19	
42	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 San, Nha, GM.1_LT.6_TH	19	
43	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 San, Nha, GM.1_LT.2_TH	20	28/12/2022
44	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 San, Nha, GM.1_LT.3_TH	20	
45	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 ĐD.2_LT.4_TH	21	
46	NUR 1116	Điều dưỡng cơ bản 2	4	ĐH21 San, Nha, GM.1_LT.1_TH	22	

47	MEDI 2105	Kỹ năng lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp - ĐDCB)	4	MEDI 2105_ĐH21YDK.1_LT.5_TH	11	23/11/2022
48	MEDI 2105	Kỹ năng lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp - ĐDCB)	4	MEDI 2105_ĐH21YDK.1_LT.4_TH	17	
49	MEDI 2105	Kỹ năng lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp - ĐDCB)	4	MEDI 2105_ĐH21YDK.1_LT.1_TH	19	
50	MEDI 2105	Kỹ năng lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp - ĐDCB)	4	MEDI 2105_ĐH21YDK.1_LT.2_TH	19	
51	MEDI 2105	Kỹ năng lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp - ĐDCB)	4	MEDI 2105_ĐH21YDK.1_LT.3_TH	19	



**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS.BS. Phạm Thị Cẩm Hưng

Hải Dương, ngày 4 tháng 10 năm 2022
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TS.BS. Lê Đức Thuận

